

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:159/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2024
“Về việc tranh chấp về hôn nhân gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Danh Phú – Ông Hồ Sỹ Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 472/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024, về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15/11/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Hà Huy C, sinh ngày 10/02/1994.

Nơi cư trú: xóm C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

-Bị đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh ngày 13/6/1994.

Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai, ý kiến trình bày của nguyên đơn anh Hà Huy C, trình bày tại bản tự khai, ý kiến ghi trong biên bản hòa giải và trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thu H tại phiên tòa, vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Huy C và chị Nguyễn Thu H cưới nhau vào tháng 07/2017. Trước khi cưới, anh chị có quá trình yêu đương tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, được sự đồng ý của hai gia đình, nhưng lúc cưới chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến ngày 07/02/2018, anh C, chị H đến làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 12/2018/CNKH ngày 07/02/2018.

Theo anh C, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, trong cuộc sống có nhiều va chạm, xử sự không đúng nghĩa vợ chồng, gây khó chịu cho nhau khi tiếp xúc. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng sâu sắc, đã được gia đình hai bên vun vén và hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện, ngược lại mâu thuẫn ngày càng sâu sắc trầm trọng hơn. Anh C xác định hôn nhân giữa anh và chị H không thể hàn gắn, nên anh C đã chủ động sống ly thân với chị H từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không liên lạc quan tâm đến nhau nữa. Đến năm 2024 anh C thấy hôn nhân giữa anh và chị H đã hoàn toàn đổ vỡ, nên anh quyết định làm đơn yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống. Quá trình tố tụng, anh C cũng xác định không còn tình cảm, tình yêu đối với chị H nữa, anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thu H.

Theo chị H, Chị Nguyễn Thu H thống nhất về thời gian, độ tuổi kết hôn, điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như anh Hà Huy C đã trình bày. Theo chị H vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu dẫn đến hôn nhân tan rã đổ vỡ là do anh C không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến mất dần tình cảm, tình yêu đối với vợ, do đó anh C không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững đối với chị H nữa. Do hôn nhân rạn nứt đã làm đảo lộn cuộc bình thường của vợ chồng. Vì mâu thuẫn nên anh C đã có những lời lẽ, xử sự thiếu tôn trọng vợ làm cho không khí trong cuộc sống chung của vợ chồng lúc nào cũng ngột ngạt, nặng nề, gây khó chịu cho nhau. Chị H cũng xác định không còn tình cảm đối với anh C nữa, hôn nhân giữa chị và anh C đã thực sự tan rã đổ vỡ không thể hàn gắn, nhưng anh Hà Huy C yêu cầu ly hôn chị không nhất trí vì chị muốn con cái có một gia đình trọn vẹn.

-Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Hà Nguyễn Thục U (Giới tính: Nữ), sinh ngày 19/01/2018 và cháu Hà Nguyễn Bảo N (Giới tính: Nữ:), sinh ngày 03/9/2019. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang sinh sống trực tiếp với chị H.

Theo anh C mặc dù vợ chồng sống ly thân nhưng anh và bố mẹ đẻ của anh rất có trách nhiệm đối với con chung của vợ chồng, đã hỗ trợ rất tích cực cùng chị H để nuôi 02 con chung phát triển tốt về mọi mặt. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh chỉ gửi cho chị H một số tiền vừa đủ để chị H trang trải cuộc sống và nuôi con. Anh C cho rằng sau khi ly hôn thì điều kiện nuôi con của anh sẽ tốt hơn chị H nên đề nghị giao hai con chung cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung. Trường hợp không được nuôi hai con chung thì anh đề nghị Tòa án giao cho anh được nuôi một trong hai con chung không phân biệt cháu lớn hay cháu bé. Anh cam kết sẽ giàn xếp thời gian hợp lý để nuôi con chung của vợ chồng phát triển tốt về mọi mặt, không để con chung phải thiệt thòi hoặc để mọi người đánh giá không tốt về người bố.

Theo chị H, ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang sinh sống trực tiếp với chị, anh C thực hiện nghĩa vụ đối với con chung không đầy đủ, chỉ gửi tiền cho

vợ con trong vòng một năm với số tiền rất nhỏ khoảng 50.000.000 đồng. Chị H thừa nhận phía ông bà nội, ông bà ngoại đã hỗ trợ rất tích cực cùng chị nuôi dạy hai con chung phát triển tốt về mọi mặt. Nếu ly hôn chị đề nghị giao 02 con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không giao con chung cho anh C nuôi vì lý do là anh Chí hiện công tác tại Hà Nội thường xuyên vắng nhà, không có thời gian để trực tiếp nuôi con chung. Nếu được nuôi hai con chung chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con chung.

3. Về quan hệ tài sản:

Anh Hà Huy C, chị Nguyễn Thu H thống nhất vợ chồng đã tạo dựng được những tài sản đã được Tòa án xem xét thẩm định và được Hội đồng định giá gồm:

Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 52, xã Đ, Huyện Y, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ thửa đất: Xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, diện tích 219.1m² (trong đó 216m² đất ở, 3.1m² đất TCLN), thửa đất này đã được UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 632875, vào sổ cấp GCN: CH02264, ngày 07/11/2029 mang tên ông Hà Huy C, bà Nguyễn Thu H. Trị giá thành tiền là 9.000.000 đ/m² x 216m² (đất ở) + 4.500.000đ x 3.1m²(đất trồng cây lâu năm) = 1.957.950.000 đồng.

Tài sản gắn liền với thửa đất gồm có:

- 01 ngôi nhà 02 tầng kiên cố hướng Tây mái lợp tôn đỏ chống nóng, xây dựng từ 2004, đến năm 2019 có sơn sửa lại, trong đó diện tích tích sàn 02 tầng bằng nhau, diện tích mỗi sàn 118m², giá trị còn lại 4.500.000 đ/m². Trị giá thành tiền là: 02 tầng x 4.500.000đ/m² x 118 = 1.062.000.000 đồng.

- 01 sân làm từ năm 2019 lát gạch men chống trơn trượt trước nhà, diện tích 30.4m², giá trị còn lại là 162.000đ/m², trị giá thành tiền là: 162.000 đ/m² x 30.4m² = 4.924.800 đồng.

- 01 mái tôn xộp chống nóng trên sân gạch men làm từ năm 2019 có diện tích 30.4m², giá trị còn lại là 230.000 đ/m². Trị giá thành tiền là 230.000 đ/m² x 30.4 = 6.992.000 đồng.

- 02 cửa cuốn có diện tích mỗi cửa 12.25m² làm từ năm 2019, trong đó, 01 cửa cuốn có mô tơ điện, trị giá còn lại thành tiền mỗi cửa là: 3.000.000đ/ cửa, mô tơ có trị giá còn lại là 1.000.000 đồng. Thành tiền là 02 cửa x 3.000.000đồng + 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng.

- 01 mái tôn tráng kẽm phía bên ngoài sân mái tôn có diện tích 20.9m² (nằm ngoài diện tích cấp Giấy CNQSD đất), giá trị còn lại là 185.000 đ/m². Thành tiền là: 185.000 đ/m² x 20.9m² = 3.866.500 đồng.

- Hệ thống tường bao hướng Bắc, hướng Nam và hướng Đông của thửa đất phía sau ngôi nhà hướng Tây được xây bằng táp lô đứng và gạch đất đỏ nung xây dựng từ năm 2004, có chiều dài 29.94m, cao 1.6m, diện tích 47.9m², có giá trị còn lại là 80.000đ/m². Trị giá còn lại thành tiền là 80.000đ/m² x 47.9m² = 3.832.000 đồng.

- Hệ thống tường bao hướng Bắc, hướng Nam trước ngôi nhà hướng Tây có tổng chiều dài 8.3m, chiều cao 4.7m, diện tích 39,01m², giá trị còn lại là 80.000đ/m². Trị giá còn lại thành tiền là 80.000đ/m² x 39.01m² = 3.120.800 đồng.

- 01 bể nước xây dựng từ 2004 có thể tích 5m³, trị giá còn lại thành tiền là 2.100.000 đồng.

Những tài sản trên hiện nay chị H đang quản lý.

Theo anh C, để có được số tài sản trên là do phía bố mẹ đẻ của anh cho vợ chồng hai phần, phía bên ngoại cho vợ chồng một phần. Do vậy, anh C đề nghị giao những tài sản trên cho anh được quyền sử dụng. Về thửa đất và quyền sở hữu về ngôi nhà và các tài sản có trên thửa đất, anh sẽ trích chia cho chị H 1/2 giá trị tài sản, sau khi xét xử án có hiệu lực anh sẽ giao tiền ngay cho chị H.

Theo chị H, quá trình mua đất và căn nhà do vợ chồng chị đứng tên là do bố mẹ ruột của chị cho vợ chồng vay 1,8 tỷ đồng để mua. Lẽ ra thửa đất này là do mẹ đẻ của chị mua cho em trai, nhưng vì thương vợ chồng chị đang ở chung với bên nội, nên đã nhường lại để vợ chồng mua. Thời điểm mua đất, nhà cả hai vợ chồng cùng bên nội không có sẵn tiền để mua nhà, đất. Sau đó ông bà nội cùng với vợ chồng chị đã tiết kiệm được số tiền 250.000.000 đồng để thêm vào số tiền vay bố mẹ ruột cho vay để vợ chồng mua đất và nhà. Sau đó bố mẹ ruột của chị H đã cho vợ chồng số tiền 500.000.000 đồng, thì bố mẹ chồng cũng cho vợ chồng số tiền 500.000.000 đồng, số tiền này vợ chồng đã trả trước cho bố mẹ ruột của chị H. Sau đó bố mẹ chị H cần tiền để kinh doanh buôn bán thì hai vợ chồng chị phải thế chấp quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng tôi tại Ngân hàng N1- Chi nhánh T số tiền vay là 800.000.000 đồng để trả cho bố mẹ đẻ chị. Thời gian này vợ chồng chị thống nhất, chị ở nhà vừa đi làm vừa nuôi con, lo liệu tất cả mọi công việc trong gia đình, còn chồng sẽ đi làm ăn để trả nợ ngân hàng. Trong thời gian này chị đã cố gắng tích góp từ việc đi làm công việc nhập liệu cho Công ty T1 đóng tại Đ, đi làm nhập liệu tại Bưu điện xã Đ, nhập liệu hàng hóa cho hộ kinh doanh của bạn chị và buôn bán hàng online để hỗ trợ cùng chồng trả khoản nợ của hai vợ chồng vay tại ngân hàng. Do đó khối tài sản đã được tòa án xem xét thẩm định, được hội đồng định giá là tài sản chung của hai vợ chồng làm ra, quyền lợi của mỗi bên như nhau. Do đó đề nghị tòa phân chia tài sản cho vợ chồng ngang nhau bằng hiện vật, không giao tài sản cho một bên, vì chị có mong muốn giữ tài sản cho con chung của vợ chồng sau này.

Theo anh C, chị H muốn chia đôi đất và nhà ở là để làm khó cho anh, vì chị H rất gen gét anh, việc ở gần nhau rất bất tiện, ảnh hưởng đến mọi việc trong quá trình sinh hoạt và sử dụng sau này. Hơn nữa, nếu phân chia nhà đất bằng hiện vật thì chắc chắn hai bên sẽ phải cải tạo sửa chữa đập phá, làm hỏng kết cấu của ngôi nhà. Trường hợp, nếu chị H có tiền giao ngay thì anh cũng đồng ý giao đất, các tài sản trên đất cho chị H. Do đó, anh C yêu cầu Tòa án xem xét thấu đáo để phân chia tài sản tránh ảnh hưởng đến tinh thần, sinh hoạt của hai bên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau:

+/Về tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đã thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147 khoản 2 Điều 203 BLTTDS năm 2015: Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS năm 2015. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Xác minh thu thập chứng cứ theo quy định tại chương VII BLTTDS; Đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn đúng quy định tại Điều 101, 104 BLTTDS; Đã yêu cầu đương sự nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo Điều 156 BLTTDS. Toàn bộ giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp đều là bản chính hoặc bản có chứng thực, y sao của cơ quan có thẩm quyền theo Điều 95 BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Thẩm phán đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS; Đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 171 BLTTD; Chuyển hồ sơ cho VKS theo đúng quy định tại Điều 196, 220 BLTTDS. Đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 227, 254, 258, 262, 264 BLTTDS; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại điều 51 BLTTDS về việc phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra, báo cáo với HĐXX danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa; ghi biên bản phiên tòa. Đối với nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72, 73, 227 BLTTDS.

+/Về nội dung: Căn cứ điều 29, Điều 33; Điều 56; Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 213 của Bộ luật dân sự.

Đề nghị xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Anh Hà Huy C được ly hôn chị Nguyễn Thu H.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con hai con chung là cháu Hà Nguyễn Thục U (Giới tính: Nữ), sinh ngày 19/01/2018 và cháu Hà Nguyễn Bảo N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 03/9/2019 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hà Huy C cho đến lúc chị H có đơn yêu cầu. Anh Hà Huy C có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không được ai được ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Giao cho anh Hà Huy C được quyền sử dụng, quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của anh C, chị H tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân có tổng giá trị là 3.051.786.000 đồng (Ba tỷ, không trăm năm mươi một triệu, bảy

trăm tám mươi sáu nghìn đồng)

Buộc anh Hà Huy C phải có nghĩa vụ trích chia cho chị Nguyễn Thu H $\frac{1}{2}$ trị tài sản tài sản chung của vợ chồng với số tiền là: 1.525.893.000 đồng (Một tỷ, năm trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn đồng)

Đề nghị tuyên cho Nguyễn Thu H được lưu cư trên thửa đất, ngôi nhà hai tầng và các tài sản có trên thửa đất giao cho anh Hà Huy C được quyền sử dụng, sở hữu cho đến lúc anh Hà Huy C thực hiện xong nghĩa vụ giao tiền trích chia tài sản đầy đủ cho chị Nguyễn Thu H.

4. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc: Anh Hà Huy C và chị Nguyễn Thu H phải nộp án phí ly hôn, án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều sinh sống tại xóm C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Hà Huy C vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thu H có mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Huy C.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân và độ tuổi kết hôn giữa anh Hà Huy C và chị Nguyễn Thu H được các bên thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật, các bên tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2018/CNKH ngày 07/02/2018. Do đó xác định hôn nhân giữa anh Hà Huy C và chị Nguyễn Thu H là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa anh C, chị H tan rã, đổ vỡ là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, nên các bên xử sự không đúng nghĩa vợ chồng đối với nhau, chị H thiếu niềm tin đối với chồng trong quan hệ tình cảm, dẫn đến xung đột mâu thuẫn làm mất tình cảm vợ chồng. Quá trình hòa giải anh C và chị H đều xác nhận vợ chồng đã sống ly thân, quá trình sống ly thân anh chị đều không hòa giải, liên lạc để níu kéo hôn nhân, điều này cho thấy tình cảm, tình yêu, sợi dây kết nối tình cảm giữa vợ và chồng không còn, hôn nhân giữa anh C và chị H đã thực sự đổ vỡ không thể hàn gắn. Do đó, anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Hà Huy C được

ly hôn chị Nguyễn Thu H.

- Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung của anh C và chị H là rất chính đáng, phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội thể hiện người bố, người mẹ có trách nhiệm cao trong việc được nuôi con chung.

Xét điều kiện kinh tế và việc làm của anh C và chị H thấy rằng: Anh C là người có thu nhập ổn định, có việc làm ổn định tại Hà Nội. Chị H là người lao động tự do đều có thu nhập để nuôi con như phụ giúp mẹ để buôn bán và các công việc khác để tăng thêm thu nhập. Tuy nhiên nếu giao hai con cho anh C hoặc chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì không đảm bảo quyền lợi phát triển mọi mặt của con chung, anh C không có thời gian để chăm lo cho các con chung, chị H sẽ khó khăn về kinh tế trong việc nuôi hai con chung. Vì vậy cần giao cho mỗi người được trực tiếp mỗi con chung là phù hợp. Xét con lớn đã gần được sáu tuổi, đã tự lập được một phần của bản thân không cần đến sự hỗ trợ của người lớn nhiều, do đó cần giao cháu lớn cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện của anh C hiện nay. Đối với cháu bé hơn đang cần sự chăm sóc giáo dục của người lớn về mọi mặt nhất là việc ăn uống, sinh hoạt thường ngày, do đó cần giao cháu bé hơn cho chị H tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do mỗi bên nuôi mỗi con chung, nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, các bên có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được bất cứ người nào cản trở.

-Về quan hệ tài sản: Về tài sản chung, anh C và chị H thống nhất được với nhau về khối tài sản chung vợ chồng tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình tố tụng, anh C cho rằng để có được khối tài sản hiện nay là do bố mẹ đẻ cho anh cho vợ chồng 2/3, còn 1/3 là do bên ngoại cho. Chị H cho rằng công sức có khối tài sản là do vợ chồng tự lập, bên nội và bên ngoại cho vợ chồng mỗi bên 500.000.000 đồng, không có bên nào có công sức góp phần nhiều hơn để hình thành lên khối tài sản chung. Mặc dù anh C trình bày công sức phía bên nội cho vợ chồng nhiều hơn, nhưng anh C không yêu cầu xem xét đến công sức để được giao phần nhiều hơn mà anh thống nhất chia đôi cho vợ chồng là sự tự nguyện, do đó cần chia đều tài sản chung cho anh C, chị H.

Căn cứ vào kết quả thẩm định tại chỗ thấy rằng: Ngôi nhà hai tầng xây dựng trên thửa đất được xây dựng rất kiên cố, được bố trí hợp lý, liên kết vững vàng. Nếu chia cho mỗi người được một nửa ngôi nhà gắn thêm vào phần đất thì chắc chắn rằng hai bên phải cải tạo lại để ở hoặc một bên phải phá dỡ để làm mới lại thì sẽ ảnh hưởng đến sự bền vững của kết cấu ngôi nhà không có lợi cho một trong hai bên. Hơn nữa diện tích đất gắn trên phần nhà được chia không bằng nhau, chiều ngang mỗi bên được nhận không quá 04 m, không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do mâu thuẫn hai bên rất trầm trọng, nếu chia nhà, đất cho hai bên được sống gần nhau sẽ tạo nên sự bất tiện cho việc sinh hoạt hàng ngày của các bên. Việc chị H yêu cầu chia đôi đất, nhà và các tài sản khác gắn trên đất là làm khó cho anh Hà Huy C. Hơn nữa sau khi hỏi ý kiến của từng người thì chị H không đồng ý nhận toàn bộ tài sản chung và trích giao lại cho anh C số tiền

1.525.893.000đ (Một tỷ, năm trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) vì chị không có điều kiện về kinh tế. Anh C khẳng định nếu được giao toàn bộ tài sản, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật anh sẽ giao cho chị H số tiền trích chia một lần để chị H tạo lập nơi ở mới.

Xét điều kiện tài chính, điều kiện kinh tế của anh Hà Huy C có khả thi trong việc thi hành bản án dân sự hơn chị Nguyễn Thu H. Do đó cần giao cho anh C được quyền sử dụng, quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của anh C, chị H tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Buộc anh C giao tiền trích chi tài sản cho chị H số tiền 1.525.893.000đ (Một tỷ, năm trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Để đảm bảo quyền lợi cho chị H về thi hành bản án dân sự và tạo lập nơi ở mới, chị H được quyền lưu cư trên ngôi nhà hai tầng, trên thửa đất và các tài sản có trên thửa đất cho đến lúc anh C thực hiện xong nghĩa vụ dân sự đối với chị Nguyễn Thu H đối với số tiền buộc anh C phải thanh toán cho chị H.

-Nghĩa vụ chi phí thẩm định và định giá tài sản: Anh Hà Huy C đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Quá trình xem xét thẩm định, định giá Tòa án đã chi hết số tiền này. Lẽ ra phải buộc chị Nguyễn Thu H trả cho anh Hà Huy C $\frac{1}{2}$ số tiền đó, nhưng tại nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C tự nguyện nộp toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá. Đây là sự tự nguyện của anh C, nên không buộc chị H phải trả lại cho anh C $\frac{1}{2}$ của số tiền 10.000.000 đồng

-Về án phí: Buộc anh Hà Huy C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Buộc anh Hà Huy C và chị Nguyễn Thu H phải nộp án phí chia tài sản sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 29, Điều 33; Điều 56 ; Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình Điều 213 của Bộ luật dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Huy C được ly hôn chị Nguyễn Thu H.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung là cháu Hà Nguyễn Thục U (Giới tính: nữ, sinh ngày 19/01/2018) cho anh Hà Huy C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Giao con chung là cháu Hà Nguyễn Bảo N (Giới tính: nữ, sinh ngày 03/9/2019) cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Do mỗi bên nuôi một con chung, nên các bên không phải cấp dưỡng con chung cho nhau. Anh Hà Huy C, chị Nguyễn Thu H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Giao cho anh Hà Huy C được quyền sử dụng, quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của anh C, chị H tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân gồm:

Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 52, xã Đ, Huyện Y, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ thửa đất: Xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, diện tích 219.1m^2 (trong đó 216m^2 đất ở, 3.1m^2 đất TCLN), thửa đất này đã được UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 632875, vào sổ cấp GCN: CH02264, ngày 07/11/2029 mang tên ông Hà Huy C, bà Nguyễn Thu H. Trị giá thành tiền là $9.000.000 \text{đ}/\text{m}^2 \times 216\text{m}^2$ (đất ở) + $4.500.000\text{đ} \times 3.1\text{m}^2$ (đất trồng cây lâu năm) = $1.957.950.000$ đồng.

Tài sản gắn liền với thửa đất gồm có:

- 01 ngôi nhà 02 tầng kiên cố hướng Tây mái lợp tôn đỏ chống nóng, xây dựng từ 2004, đến năm 2019 có sơn sửa lại, trong đó diện tích tích sàn 02 tầng bằng nhau, diện tích mỗi sàn 118m^2 , giá trị còn lại $4.500.000 \text{đ}/\text{m}^2$. Trị giá thành tiền là: $02 \text{ tầng} \times 4.500.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 118 = 1.062.000.000$ đồng.

- 01 sân làm từ năm 2019 lát gạch men chống trơn trượt trước nhà, diện tích 30.4m^2 , giá trị còn lại là $162.000\text{đ}/\text{m}^2$, trị giá thành tiền là: $162.000 \text{đ}/\text{m}^2 \times 30.4\text{m}^2 = 4.924.800$ đồng.

- 01 mái tôn xộp chống nóng trên sân gạch men làm từ năm 2019 có diện tích 30.4m^2 , giá trị còn lại là $230.000 \text{đ}/\text{m}^2$. Trị giá thành tiền là $230.000 \text{đ}/\text{m}^2 \times 30.4 = 6.992.000$ đồng.

- 02 cửa cuốn có diện tích mỗi cửa 12.25m^2 làm từ năm 2019, trong đó, 01 cửa cuốn có mô tơ điện, trị giá còn lại thành tiền mỗi cửa là: $3.000.000\text{đ}/\text{cửa}$, mô tơ có trị giá còn lại là $1.000.000$ đồng. Thành tiền là $02 \text{ cửa} \times 3.000.000\text{đồng} + 1.000.000 \text{đồng} = 7.000.000$ đồng.

- 01 mái tôn tráng kẽm phía bên ngoài sân mái tôn có diện tích 20.9m^2 (nằm ngoài diện tích cấp Giấy CNQSD đất), giá trị còn lại là $185.000 \text{đ}/\text{m}^2$. Thành tiền là: $185.000 \text{đ}/\text{m}^2 \times 20.9\text{m}^2 = 3.866.500$ đồng.

- Hệ thống tường bao hướng Bắc, hướng Nam và hướng Đông của thửa đất phía sau ngôi nhà hướng Tây được xây bằng tốp lô đứng và gạch đất đỏ nung xây dựng từ năm 2004, có chiều dài 29.94m , cao 1.6m , diện tích 47.9m^2 , có giá trị còn lại là $80.000\text{đ}/\text{m}^2$. Trị giá còn lại thành tiền là $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 47.9\text{m}^2 = 3.832.000$ đồng.

- Hệ thống tường bao hướng Bắc, hướng Nam trước ngôi nhà hướng Tây có tổng chiều dài 8.3m , chiều cao 4.7m , diện tích $39,01\text{m}^2$, giá trị còn lại là $80.000\text{đ}/\text{m}^2$. Trị giá còn lại thành tiền là $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 39.01\text{m}^2 = 3.120.800$ đồng.

- 01 bể nước xây dựng từ 2004 có thể tích 5m^3 , trị giá còn lại thành tiền là $2.100.000$ đồng.

Tổng giá trị tài sản anh Hà Huy C được nhận là $3.051.786.000$ đồng (Ba tỷ, không trăm năm mươi một triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng)

Buộc: Anh Hà Huy C phải có nghĩa vụ trích chia cho chị Nguyễn Thu H $\frac{1}{2}$ trị tài sản tài sản chung của vợ chồng với số tiền là: 1.525.893.000 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn đồng)

Kể từ ngày chị Nguyễn Thu H làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu anh Hà Huy C không thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thu H được lưu cư trên thửa đất, ngôi nhà hai tầng và các tài sản có trên thửa đất được giao cho anh Hà Huy C được quyền sử dụng, sở hữu cho đến lúc anh Hà Huy C thực hiện xong nghĩa vụ giao tiền trích chia tài sản đầy đủ cho chị Nguyễn Thu H.

Anh Hà Huy C được quyền đến Cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Anh Hà Huy C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 57.776.790 đồng (Năm mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi đồng) án phí chia tài sản. Án phí anh C phải nộp được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.680.00 đồng (Mười triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) do anh C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0003099 ngày 17/10/2024. Anh Hà Huy C còn phải nộp án phí là 47.396.790 đồng (Bốn mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi đồng).

- Buộc: Chị Nguyễn Thu H phải nộp 57.776.790 đồng (Năm mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi đồng) án phí chia tài sản.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6. Về vấn đề thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Yên Thành;
- CC THA DS H. Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA;
- UBND xã Đức Thành (Nơi ĐKKH).

Vũ Anh Ngọc